

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2024

V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thanh Hải

Ông Lê Văn Tám

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàng C, sinh năm 2002 (có mặt);

*Địa chỉ:* khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1998 (vắng mặt);

*HKTT:* số 32, Hồ Hải N, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Chỗ ở hiện nay:* đường C, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Duy T do quen biết và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 30/3/2022. Sau khi cưới thì chị và anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì đến đầu năm 2023 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T ham mê cờ bạc, không phụ

giúp kinh tế để chăm lo gia đình và nuôi con nhỏ. Chị và anh **T** đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 3/2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Duy T**.

Về con chung: có 01 con chung tên **Nguyễn Hoàng Phương N1**, sinh ngày 10/10/2022. Khi ly hôn chị **C** yêu cầu nuôi dưỡng con chung, trước đây tại đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng nay chị xin rút lại yêu cầu, chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh **Nguyễn Duy T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh **T** vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn anh **T** không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận: yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Hoàng C** cho chị **C** được ly hôn với anh **Nguyễn Duy T**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng Phương N1**, sinh ngày 10/10/2022 cho chị **Nguyễn Thị Hoàng C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Nguyễn Duy T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **C** không có yêu cầu.

Anh **Nguyễn Duy T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hoàng C** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh **Nguyễn Duy T** vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh **Nguyễn Duy T** có hộ khẩu thường trú tại **số C, Hồ H, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị **C** và anh **T** về chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 30/3/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh **T** ham mê cờ bạc, không phụ giúp kinh tế để chăm lo gia đình và nuôi con nhỏ. Chị và anh **T** đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 3/2023 cho đến nay.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi chị **C** và anh **T** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Từ khi ly thân cho đến nay thì chị **C** và anh **T** không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh **T** để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị **C**, nhưng anh **T** không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh **T** không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh **T** không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh **T** đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị **C** vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh **T**.

[3.2] Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị **C**, anh **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **C** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Hoàng Phương N1**, sinh ngày 10/10/2022. Khi ly hôn chị **C** yêu cầu nuôi dưỡng con chung, trước đây tại đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng nay chị xin rút lại yêu cầu, chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Xét, từ khi chị **C** và anh **T** sống ly thân đến nay con chung do chị **C** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt, sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì anh **T** cũng không đến nên coi như anh đã từ bỏ quyền của mình đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu **N1** hiện dưới 36 tháng tuổi và cũng là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu **N1**, nên giao cháu **Nguyễn Hoàng Phương N1** cho chị **Nguyễn Thị Hoàng C** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị **C** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **C** trình bày không có, anh **T** thì không có ý kiến gì về tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị Hoàng C** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Hoàng C** được ly hôn với anh **Nguyễn Duy T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng Phương N1**, sinh ngày 10/10/2022 cho chị **Nguyễn Thị Hoàng C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Nguyễn Duy T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **C** không có yêu cầu.

Anh **Nguyễn Duy T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hoàng C** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **C** đã nộp theo biên lai thu số 0004719 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án

Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị **C** đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Kim Thoa**

